

ĐỀ XUẤT BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NĂM 2026
89. PHƯỜNG NINH THẠNH

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ NHÀ NƯỚC HIỆN HÀNH (đồng/m ²)	GIÁ ĐỀ XUẤT (đồng/m ²)
		TỪ	ĐẾN		
PHẦN I. VỊ TRÍ TIẾP GIÁP VỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG					
A	QUỐC LỘ (QL), ĐƯỜNG TỈNH (ĐT)				
1	BỒI LỖI (Đường 790)	Ngã 3 đường nhựa (hướng xã DMC)	Cổng sau Núi Bà	5.250.000	10.871.000
		Cổng sau Núi Bà	Ranh TP - Dương Minh Châu (hướng DMC) (cũ)	3.750.000	7.765.000
2	Đường ĐT781	Ranh xã DMC	Cầu K13	2.220.000	6.005.000
		Cầu K13	Đường số 7-7	3.600.000	9.020.000
		Đường số 7-7	Đường số 3-3	4.152.000	10.016.000
		Đường số 3-3	Đường thuyền	6.204.000	14.054.000
		Đường thuyền	Đến tòa thánh Tây Ninh	9.240.000	21.376.000
3	Đường ĐT784	Kênh tiêu Bến Đình	Đường ĐH 13	3.696.000	8.794.000
		Đường ĐH 13	Kênh TN3	3.264.000	7.221.000
		Kênh TN3	Ranh Chà Là-Bàu Nặng	3.588.000	7.500.000
		Ranh Chà Là-Bàu Nặng (cũ)	Cầu K13	4.068.000	11.400.000
		Cầu K13	Ngã 4 đại đồng	3.936.000	9.226.000
4	QUỐC LỘ 22B	Ngã 4 Bình Minh	Ranh TP - Châu Thành (cũ) (hướng đi Ngã ba Đông Á	5.000.000	10.354.000
5	Đường tỉnh lộ 26 (Chà Là-Bàu Nặng)	Đường 784	Đường số 7-7	2.280.000	5.788.000
		Đường số 7-7	Ngã 3 Bàu Nặng	3.132.000	7.145.000
B	CÁC ĐƯỜNG KHÁC				
I	Các đường có tên				
1	Đường 13 mét tại khu phố Ninh Phúc, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh	Phía sau Trường Tiểu học Duy Tân		10.710.000	18.800.000
2	ĐƯỜNG C.M.T.8	Đường Điện Biên Phủ (Cửa Hòa Viên)	Ranh TP - Dương Minh Châu (hướng DMC) (cũ)	13.750.000	22.600.000
3	Đường Chà Là - Trường Hòa	Ngã 3 Đường ĐT 784 (Cây xăng Thành Phát)	Kênh TN5-2	3.084.000	6.998.000
		Kênh TN5-2	Kênh TN5-4 (Ranh Chà Là – Trường Hòa (Hòa Thành) (cũ)	2.400.000	6.427.000
4	Đường hẻm 14 Điện Biên Phủ (trước trường tiểu học Ngô Quyền)	Đường Điện Biên Phủ	Ngã tư lộ đỏ	6.125.000	8.900.000
		Ngã tư lộ đỏ	Cuối tuyến (hết đường nhựa)	4.750.000	7.500.000
5		Đường Điện Biên Phủ	Ngã tư lộ đỏ	6.125.000	9.500.000

	Đường hẻm 16 Điện Biên Phủ (trước trường tiểu học Ngô Quyền)	Ngã tư lộ đỏ	Cuối tuyến (hết đường nhựa)	4.750.000	8.074.000
6	Đường hẻm số 6 Điện Biên Phủ (đường vào Văn phòng Khu phố Ninh Phước)	Đường Điện Biên Phủ	Ngã 3 nhựa (ra cửa 12 Tòa Thánh)	6.125.000	9.500.000
		Ngã 3 nhựa (ra cửa 12 Tòa Thánh)	Cuối tuyến (hết đường nhựa)	4.750.000	7.800.000
7	Đường số 10	Đường Điện Biên Phủ	Đường bê tông		5.860.000
8	Đường số 12	Đường Điện Biên Phủ	Hẻm 12 Trường Chinh		5.860.000
9	Đường số 14	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh Ninh Thạnh		2.930.000
10	Đường số 18	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh Ninh Thạnh		8.790.000
11	Đường số 20	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh Ninh Thạnh		8.790.000
12	Đường số 24(trường chính Mới)	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh Ninh Thạnh		8.790.000
13	Đường số 26	Đường Điện Biên Phủ	Đất dân		5.688.000
14	Đường số 27	Đường Điện Biên Phủ	Đường Nguyễn Trọng Cát (QH 40m)		2.844.000
15	Đường số 28	Đường Điện Biên Phủ	Đường Lộ Kiểm		5.688.000
16	Đường số 29	Đường Điện Biên Phủ	Đường bê tông		8.532.000
17	Đường số 30	Đường Điện Biên Phủ	Hẻm 30-44, Điện Biên Phủ		8.532.000
18	Đường số 31	Đường Điện Biên Phủ	Đường Huỳnh Tấn Phát		8.532.000
19	Đường số 32	Đường Điện Biên Phủ	Hẻm 30-44, Điện Biên Phủ		2.844.000
20	Đường số 33	Đường Điện Biên Phủ	Đường Huỳnh Tấn Phát		5.688.000
21	Đường số 34	Đường Điện Biên Phủ	Hẻm 30-44, Điện Biên Phủ		5.688.000
22	Đường số 35	Đường Điện Biên Phủ	Hẻm 13 Bời Lời, Ninh Thạnh		4.266.000
23	Đường số 36	Đường Điện Biên Phủ	Hẻm 30-44, Điện Biên Phủ		8.532.000
24	Đường số 37	Đường Điện Biên Phủ	Hẻm 11 Bời Lời, Ninh Thạnh		8.532.000
25	Đường số 38	Đường Điện Biên Phủ	Đất dân		8.532.000
26	Đường số 39	Đường Điện Biên Phủ	Đất dân		5.688.000
27	Đường số 40	Đường Điện Biên Phủ	Kênh TN7		8.532.000
28	Đường số 41	Đường Điện Biên Phủ	Đường số 5 Bời Lời		4.266.000
29	Đường số 42	Đường Điện Biên Phủ	Hẻm ngang 34, Điện Biên Phủ		5.688.000
30	Đường số 6	Đường Điện Biên Phủ	Đường số 5, CMT8		11.720.000
31	Đường Thuyền (đường vào chợ Cư Trú)	Hết ranh chợ Cư Trú (Văn phòng KP Ninh Đức)	Cực lạc Thái Bình	4.750.000	10.246.000
32	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp phường Ninh Thạnh	Tiếp giáp đường ĐT.781		14.650.000
33	Hẻm 2A	Đường Điện Biên Phủ	Đường số 5, Đường CMT8		11.720.000

34	Huỳnh Công Thắng	Đường Trần Văn Trà	Cuối tuyến (hết đường nhựa)	1.625.000	4.209.000
35	TRẦN VĂN TRÀ	Ranh phường 1 (cũ)	Cầu Gió	3.125.000	7.003.000
II Các đường chưa có tên					
1	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải nhựa, bê tông				2.295.000
2	Đường giao thông có nền đường rộng từ 6m trở lên, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				1.217.000
3	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải nhựa, bê tông				1.630.000
4	Đường giao thông có nền đường rộng từ 3m đến dưới 6m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				871.000
5	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải nhựa, bê tông				1.217.000
6	Đường giao thông có nền đường rộng dưới 3m, được trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất				623.000
PHẦN II. VỊ TRÍ TIẾP GIÁP SÔNG KÊNH					
1	Áp dụng giá đất tại phần III				
PHẦN III: VỊ TRÍ KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI PHẦN I VÀ PHẦN II					436.000